

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của mỗi doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn thịnh, thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm qua đã đạt được những bước tiến vững mạnh và các doanh nghiệp ngày càng thích ứng với các quy luật của nền kinh tế thị trường, làm ăn mang lại lợi nhuận cao. Có được những kết quả đó là nhờ những nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ khâu sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu thụ. Trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Nó góp phần phản ánh và cung cấp chính xác kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn và DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Ngoài ra, cùng với sự phát triển của đất nước và sự đổi mới sâu sắc về cơ chế quản lý kinh tế tài chính, hệ thống kế toán doanh nghiệp cũng từng bước phát triển để phù hợp với cơ chế quản lý, tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp muốn phát triển tốt cần có hệ thống kế toán hoàn chỉnh và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Nhận thức được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú em đã tìm hiểu và đã chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” tại công ty cho bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Chương II: *Thực trạng tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.*

Chương III: *Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.*

Trong quá trình thực tập, em đã được sự hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô chú, anh chị phòng kế toán và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.S Ngô Thị Thanh Huyền. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để củng cố kiến thức của bản thân và bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Nga

CHƯƠNG I:

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Khái quát chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có rất nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình quản lý chi phí, thực hiện kế toán thu, lợi nhuận và có biện pháp tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của doanh thu

➤ *Khái niệm:*

- Doanh thu : là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu thuần : được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ *Ý nghĩa:*

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp tái có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế giúp cho người lao động nhiệt tình làm việc và các đơn vị sản xuất nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.1.1.2. Các loại doanh thu

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện bao gồm cả thuế GTGT.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- *Doanh thu tài chính*: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh có liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác.

- *Thu nhập khác*: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán TS cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất, các khoản nợ không ai đòi, nợ

khó đòi đã xoá sổ nay đã đòi được, tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

1.1.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu

➤ Ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho TS được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua

+ Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

➤ Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Cung cấp dịch vụ: nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01

+ Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

➤ Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng Tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận)

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

Khi hàng hóa được xác định là tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Đối với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua, bên bán thu được tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán hàng đại lý, ký gửi, thời điểm xác nhận tiêu thụ là khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

1.1.1.4. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần phải có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng doanh thu chiết khấu, nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

✓ **Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

✓ **Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán : là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại : là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

✓ **Thuế xuất khẩu**

Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

✓ **Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp**

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

DT bán	DT	CK	DTHB	Giảm	Thuế	Thuế
hàng	= bán	- thương	- bị trả	giá	TTĐB,	GTGT
thuần	hàng	mại	lại	hàng	thuế XK	trực
				bán	phải nộp,	tiếp

1.1.1.5. Các phương thức bán hàng

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp.**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

❖ ***Phương thức chuyển hàng***

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

❖ ***Phương thức giao hàng cho đại lý.***

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

❖ ***Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.***

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hoá bán được coi là tiêu thụ.

❖ ***Phương thức bán đổi hàng.***

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hoá của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra, Khi DN nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường.

$$\begin{array}{l} \text{DT sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán của sản phẩm trên thị} \\ \text{trường tại thời điểm trao đổi} \end{array}$$

1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của chi phí

➤ *Khái niệm:*

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

➤ *Ý nghĩa:*

Chi phí có ý nghĩa quan trọng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận tăng. Do vậy, doanh nghiệp cần có biện pháp giảm chi phí tránh lãng phí làm giảm lợi nhuận.

1.1.2.2. Các loại chi phí.

- *Giá vốn hàng bán* : Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí bán hàng*: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng

+ Chi phí vật liệu bao bì: là chi phí đóng gói, bảo quản sản phẩm.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định bảo hành.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: chi phí thuê TS, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

+ Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ, sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+ Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

+ Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+ Chi phí dự phòng: gồm khoản trích dự phòng, khoản phải thu khó đòi.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí bằng tiền khác: gồm các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài

chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà DN không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên gồm:

+ Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại TS đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế

+ Các khoản chi phí khác.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = doanh thu thuần - (giá vốn hàng bán + chi phí bán hàng + chi phí quản lý doanh nghiệp)

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

1.1.3.2. Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp sẽ biết được mình kinh doanh có lãi hay lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra, nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hòa giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra các công cụ,

các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị để đưa ra các quyết định hữu hiệu đó là:

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn, nhằm cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, phân bổ hợp lý chi phí cho hàng tiêu thụ trong kỳ để xác định chính xác kết quả bán hàng.

- Tính toán, phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế

GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hoạt động, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

1.3. Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Doanh thu thể hiện doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 01-BH)
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu S07-DN)
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu S31-DN)
- Sổ cáo 511,111,131...
- Sổ theo dõi thuế GTGT (Mẫu S61-DN)

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:

✓ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Số thuế thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+ Bên có :

- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán

TK 511 không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 5 TK cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- 5112: Doanh thu bán sản phẩm
- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư
- ✓ **TK 512- Doanh thu nội bộ:** Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại, khoản hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Số thuế thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+ Bên có :

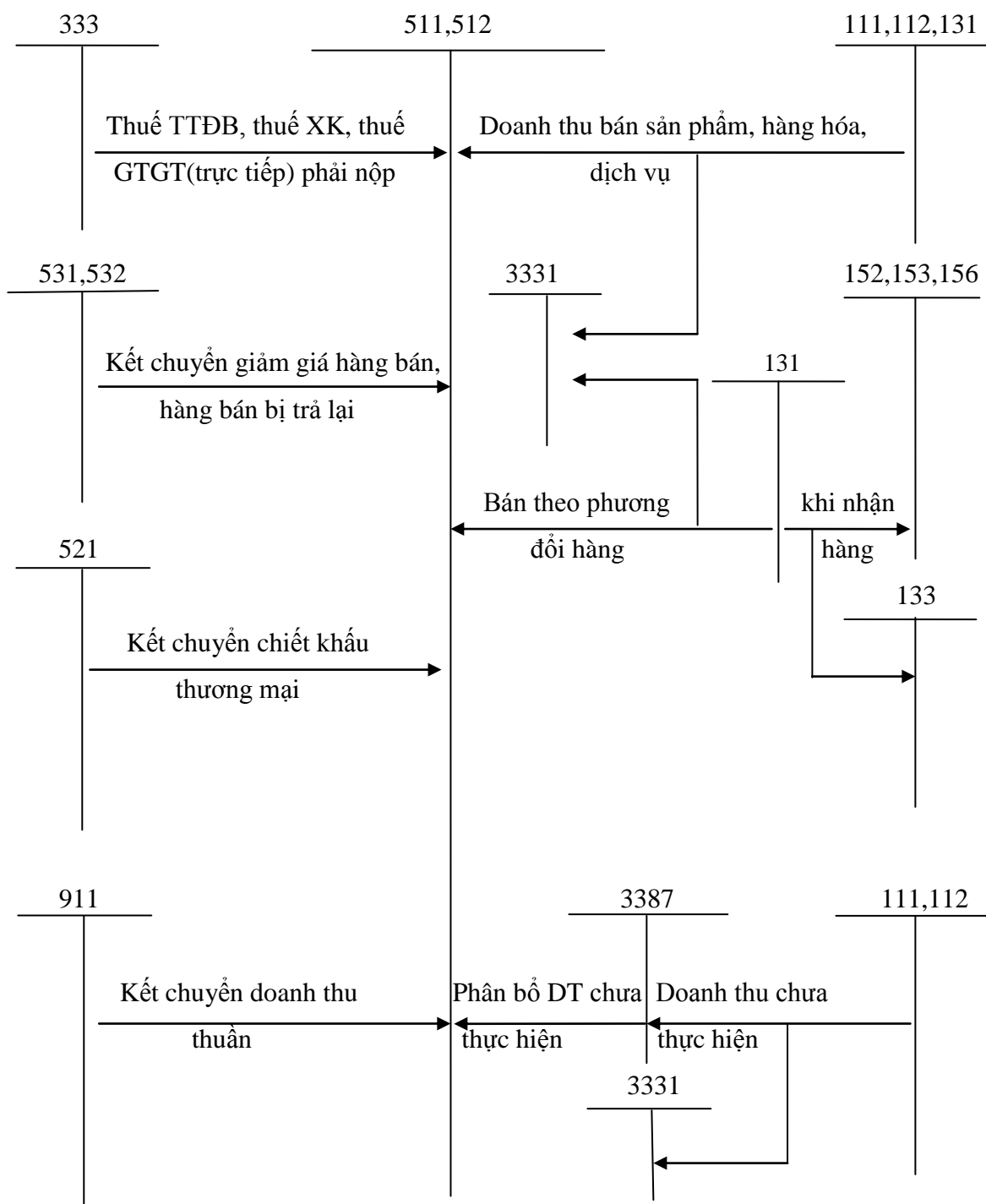
- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

TK521 không có số dư cuối kỳ và có 3 TK cấp 2 như sau:

- 5211: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ

- 5212: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ
- 5213: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ
- ✓ **TK3387- Doanh thu chưa thực hiện:** phản ánh khoản chênh lệch giữa hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1: hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng

1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng:

- ✓ **TK521- Chiết khấu thương mại:** dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ.

Kết cấu:

+ Bên nợ:

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+ Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán

TK521 không có số dư cuối kỳ

- ✓ **TK531- Hàng bán bị trả lại:** dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn)

Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641- chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ này.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu

+Bên có:

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại vào TK 511 hoặc TK512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ **TK532-Giảm giá hàng bán:** dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+Bên có:

- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Thuế :**

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như :

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Thuế xuất khẩu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB)

Phản ánh thuế GTGT (PP trực tiếp) phải nộp :

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT

Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp :

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu

Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp :

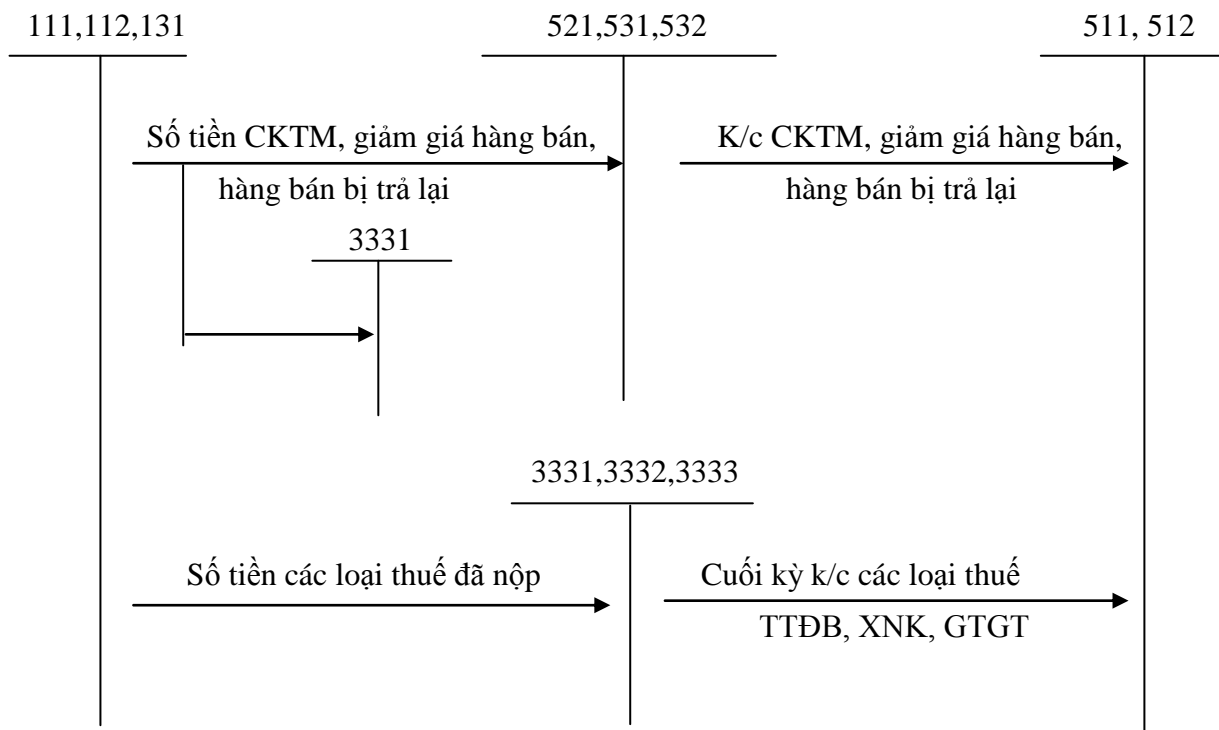
Giá bán hàng

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \frac{\text{Giá bán hàng}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{thuế suất}$$

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.2: hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.3.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Khóa luận tốt nghiệp

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân gia quyền} &= \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}} \\ \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i &= \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i} \end{aligned}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm hàng hóa vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

❖ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

❖ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

❖ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng:

Trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời,

đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng hóa, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

- ❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:
- ✓ ***TK632-Giá vốn hàng bán:*** phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất kho bán trong kỳ.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ
- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ

+Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ
- Kết chuyển giá vốn hàng bán vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

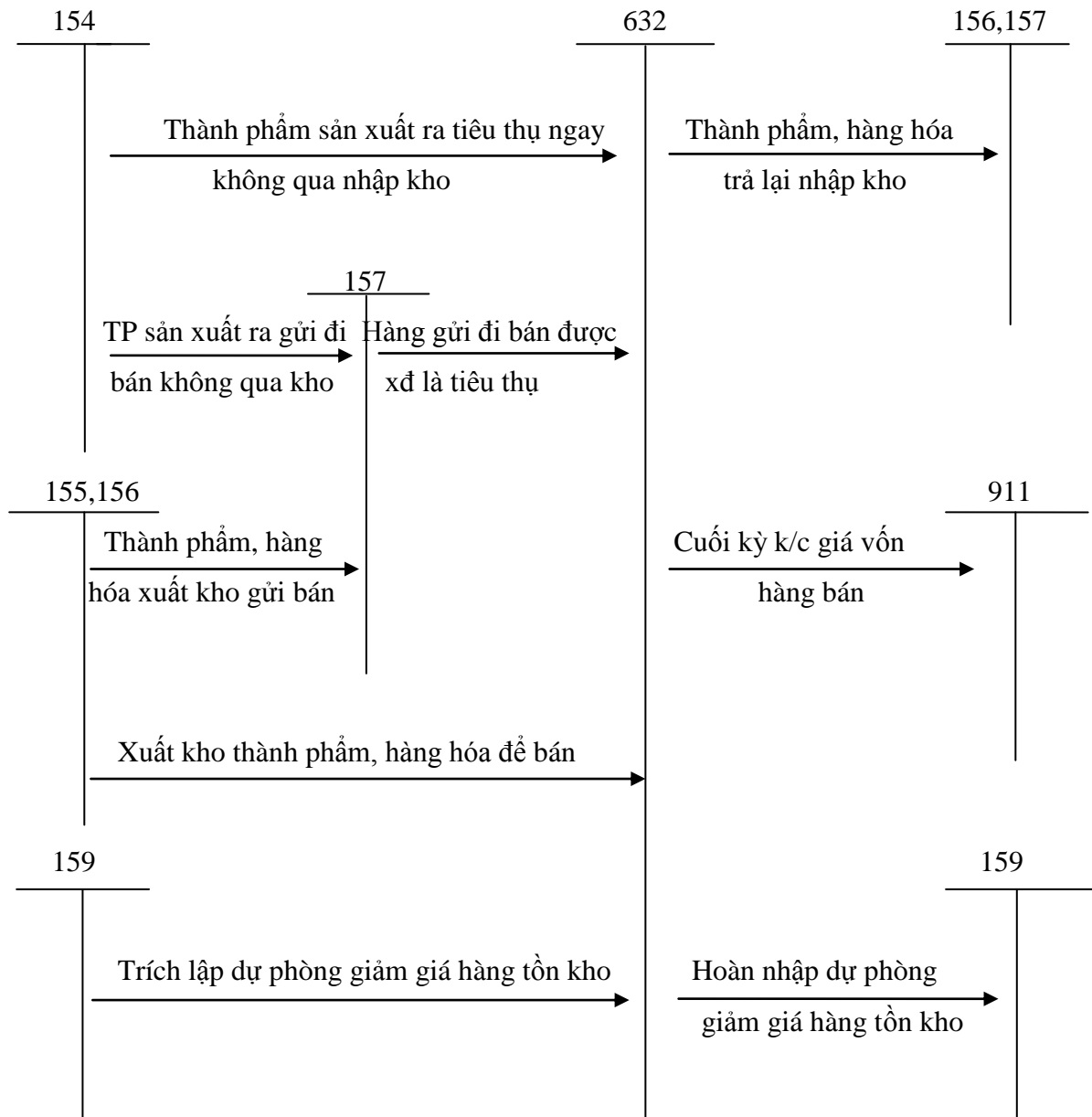
TK 632 không có số dư cuối kỳ

Các TK khác có liên quan : TK 155,156, 157, 159, 911.

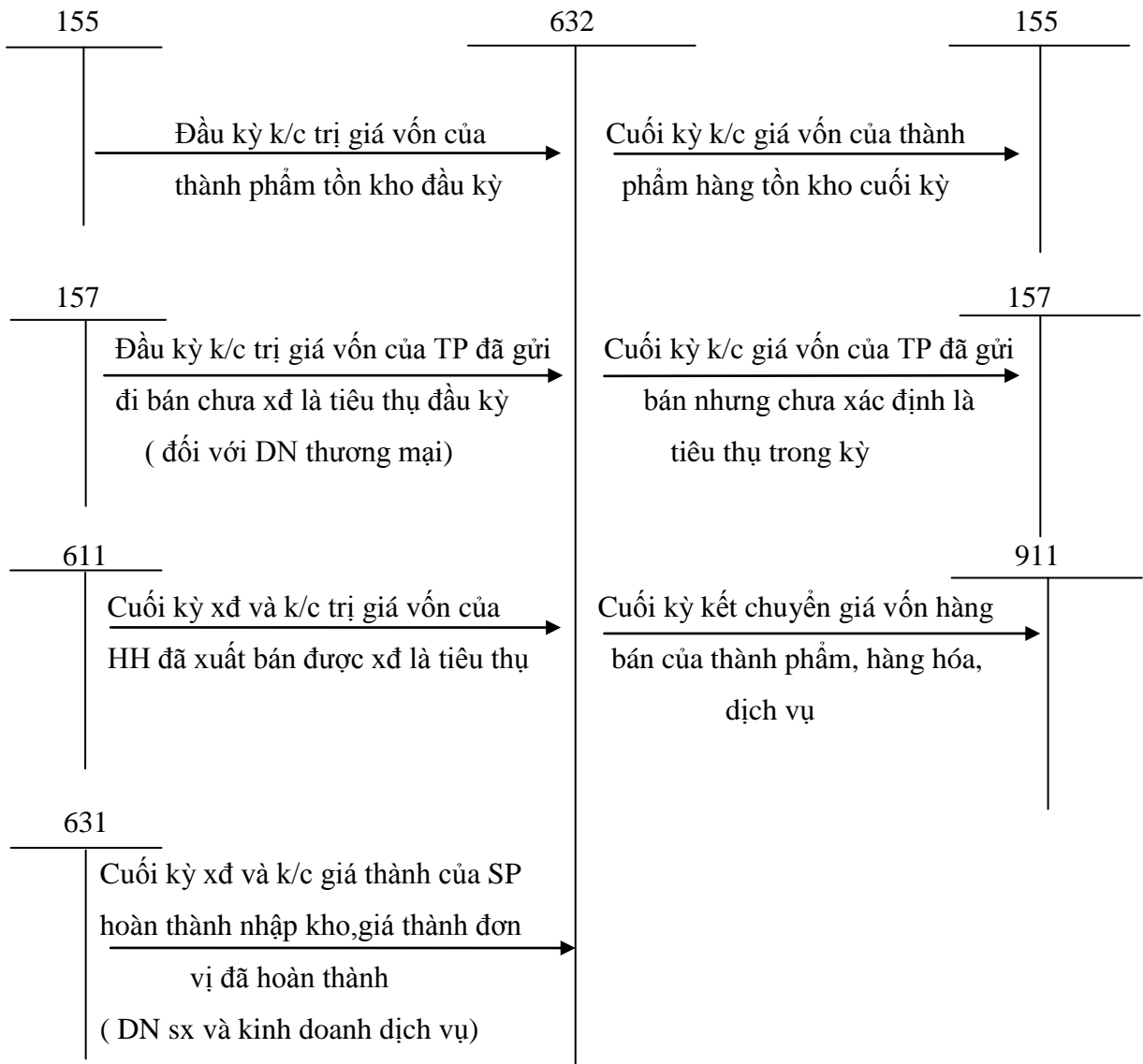
- ❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
- ✓ ***TK611- Mua hàng:*** TK này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. TK 611 có 2 TK cấp 2:
 - 6111: Mua nguyên vật liệu
 - 6112: Mua hàng hóa
- ✓ ***TK 631- Giá thành sản xuất***

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.3. kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4 kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1. Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC (Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái TK 641, 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 (242) “chi phí trả trước”. Số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng:

- ✓ **TK641-Chi phí bán hàng:** dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

+Bên có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh, hoặc kết chuyển CPBH vào TK 142(242) “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng

- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền.
- ✓ **TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:** dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

+Bên có:

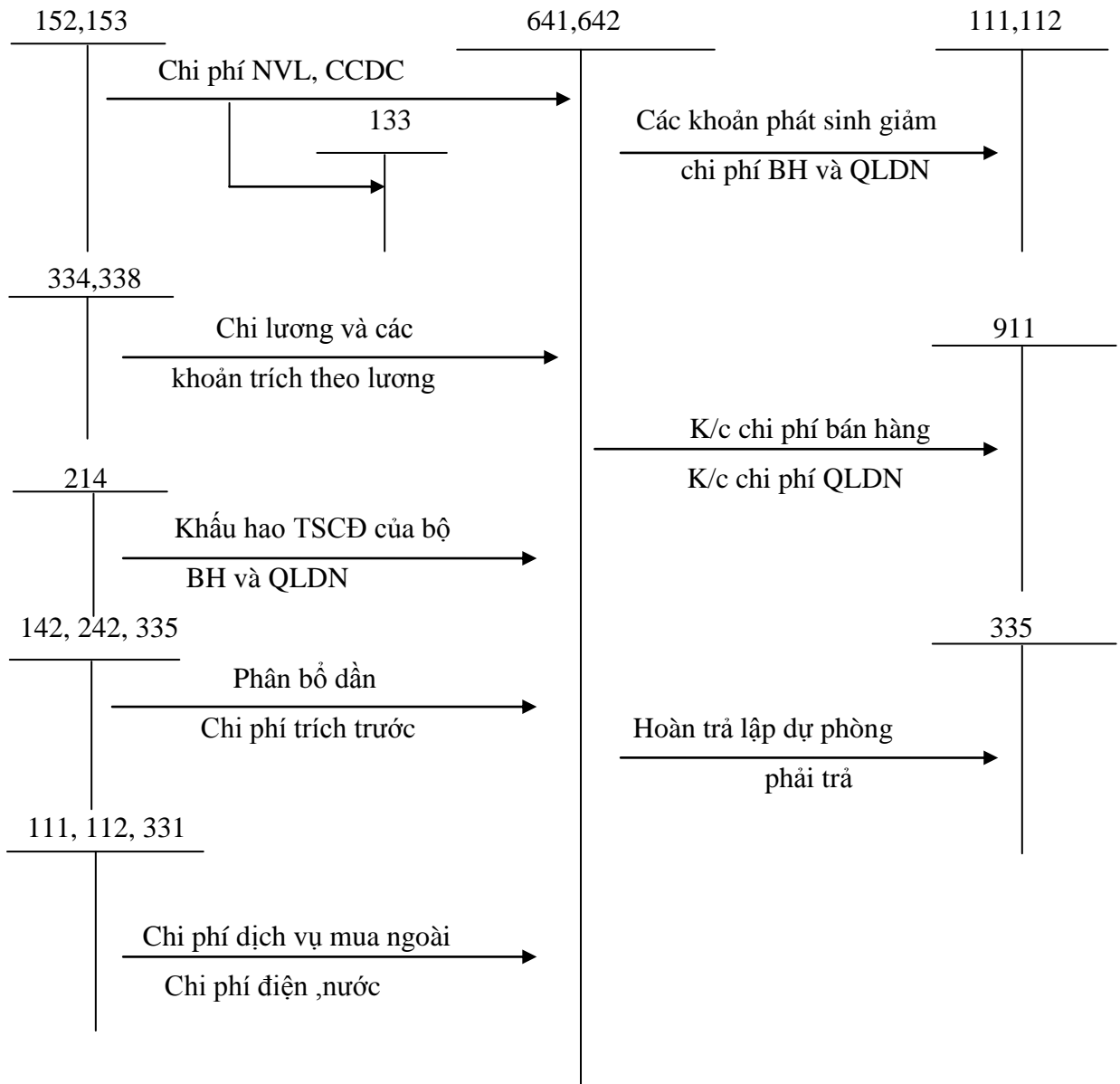
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 142 “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.3.4.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.3.5.1. Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng

✓ **TK515-Doanh thu tài chính:** dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- TK 511 không có số dư cuối kỳ

✓ **TK 635-Chi phí tài chính:** dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

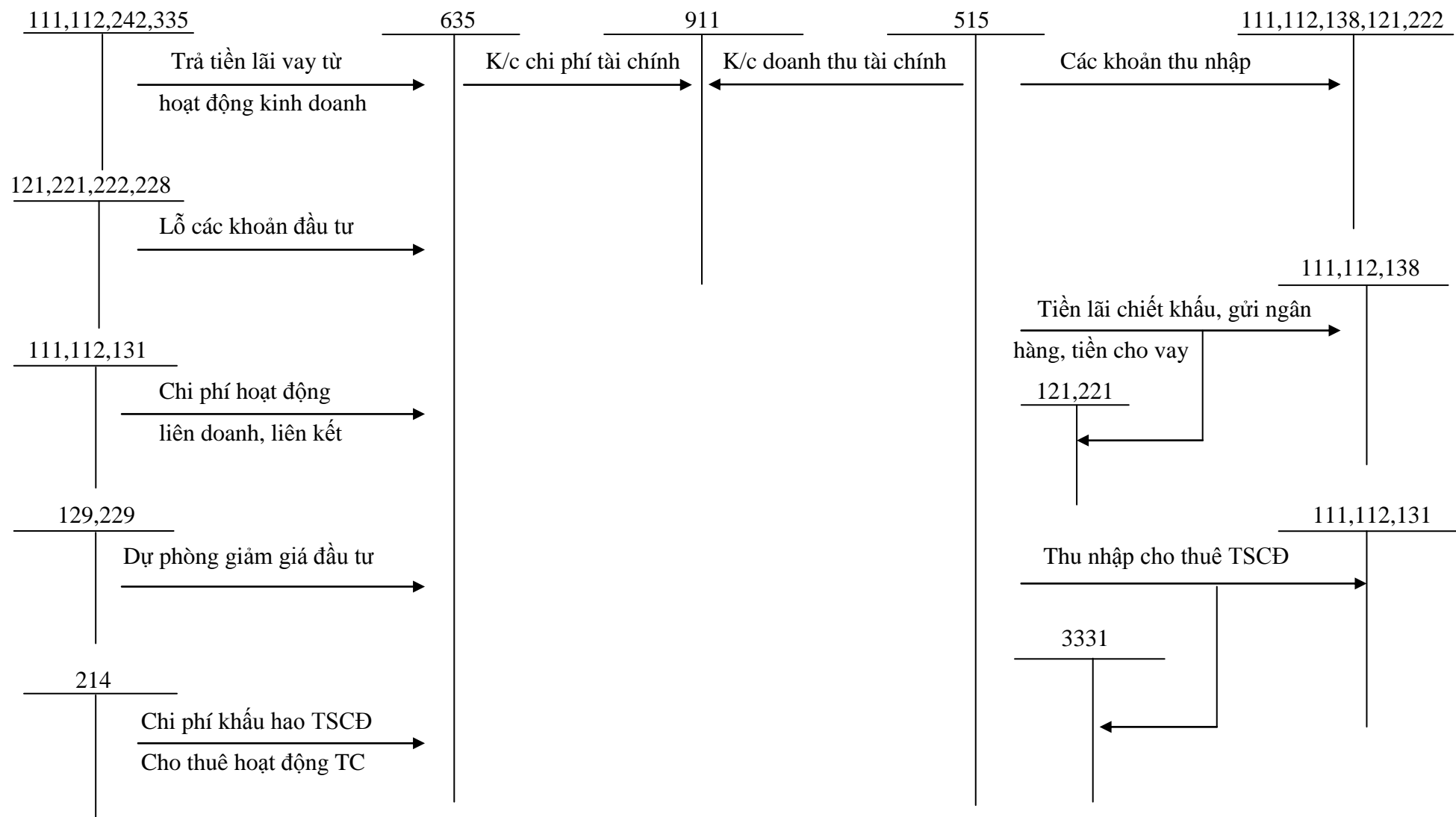
+Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.3.Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.3.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ **TK 711-Thu nhập khác:** dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh

TK711 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ **TK811- Chi phí khác:** dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

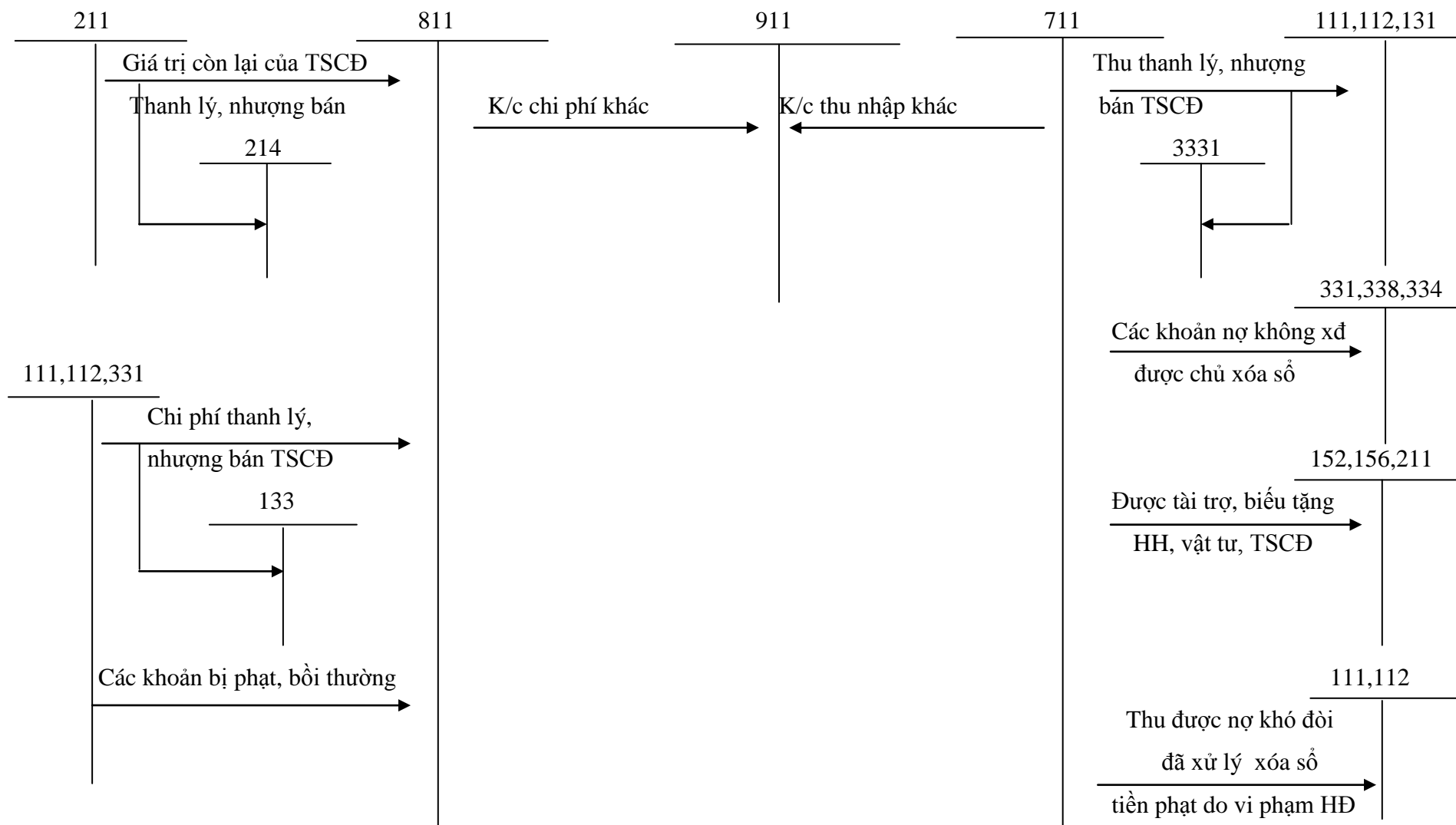
+Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.3.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.7.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.7.2. Tài khoản sử dụng:

✓ TK911-Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

+Bên có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

1.3.7.3. Nguyên tắc hạch toán:

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:
 - + Doanh thu bán hàng thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có TK911
 - + Chi phí QLDN, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911.
- Xác định kết quả kinh doanh:

+ Nếu tổng phát sinh bên NợTK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên CóTK911 thì kế toán doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421-LN sau thuế. Kế toán ghi :

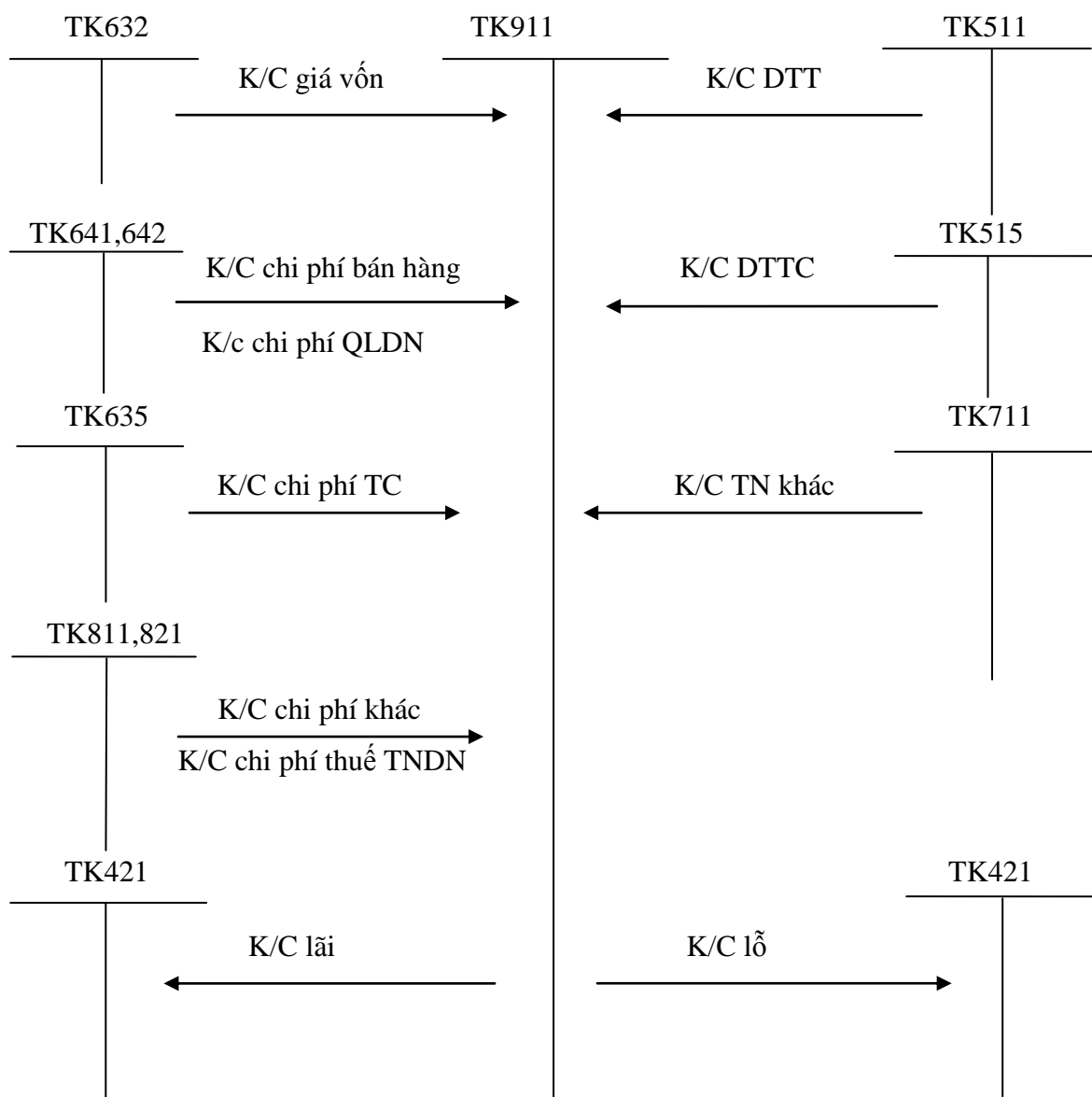
Nợ TK421 :(SPS NợTK911 - SPS CóTK911)
 Có TK911

+ Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK911nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK911 thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp và thực hiện bút toán kết chuyển lãi:

Nợ TK911
 Có TK421(SPS CóTK911 - SPS NợTK911)

1.3.7.4.Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8.Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TÂN PHÚ.

2.1. Khái quát chung về DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/06/2006, có tư cách pháp nhân và có mở tài khoản tại ngân hàng Sài Gòn thương tín chi nhánh Hải Dương. Đến nay doanh nghiệp đã tiến hành xin đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ 2 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp phép ngày 15/05/2009.

Tên công ty: Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh chế biến nông sản tân Phú.

Địa chỉ: Thôn Bắc – Cổ Dũng – Kim Thành – Hải Dương

Điện thoại: 0320 3729960

Fax: 0320 3729960

Mã số thuế: 0800330776

Tài khoản số: 10201000199674

Tại ngân hàng Sài Gòn thương tín.

DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú được thành lập từ năm 2006, là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình doanh nghiệp tư nhân, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp theo ĐKKD:

- Chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm, thủy hải sản.
- Sửa chữa, mua bán phụ tùng, vật tư thiết bị vận tải ngành vận tải đường bộ.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ trong nước.
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, nhà nghỉ...

Sản phẩm, dịch vụ chính:

- Kinh doanh hàng nông sản

Các mặt hàng nông sản chính mà doanh nghiệp kinh doanh là hành khô, tỏi khô, khoai tây. Hàng hoá được nhập từ các chợ đầu mối gần biên giới Trung Quốc, qua công đoạn sơ chế tại doanh nghiệp ở Hải Dương và được bán cho các doanh nghiệp trong Thành phố Hồ Chí Minh.

Thị trường: Sản phẩm của doanh nghiệp tương đối ổn định, có mặt ở khắp các tỉnh, thành phố như: TPHCM, HP, HN...

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

2.1.3.1. Thuận lợi

Tuy là một doanh nghiệp mới thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà doanh nghiệp đã sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định.

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên trong công ty được nâng cao.
- Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo đúng đắn của ban lãnh đạo công ty.
- Hàng hoá được tiêu thụ rộng rãi trong nước
- DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho công tác quản lý dễ dàng, thuận tiện.

2.1.3.2. Khó khăn:

- Điều kiện tự nhiên, khí hậu nhiều khi gây bất lợi cho việc bảo quản hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm.
- Nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

2.1.4. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong những năm qua.

Dưới sự chỉ đạo của tập thể ban lãnh đạo doanh nghiệp, cùng với sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, ham học hỏi của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động trong doanh nghiệp mà tình hình của doanh nghiệp liên tục được cải thiện. Thành tích đạt được của doanh nghiệp qua các năm đã được nâng lên một cách rõ rệt thông qua các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện qua bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009
1.Doanh thu bán hàng	Đồng	20.912.423.780	20.922.561.466
2.Doanh thu thuần	Đồng	20.912.423.780	20.922.561.466
3.Giá vốn hàng bán	Đồng	19.456.759.660	19.421.286.137
4.Chi phí quản lý kinh doanh	Đồng	1.230.437.385	1.223.239.392
5.Lợi nhuận trước thuế	Đồng	174.964.129	198.455.330
6.Thu nhập bình quân (người/tháng)	Đồng	1.296.000	1.412.241

(nguồn: phòng kế toán)

Biểu 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

Nhìn chung kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm qua tương đối khả quan trước những khó khăn bởi biến động của thị trường. Hàng năm doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp đều gia tăng và luôn luôn hoàn thành kế hoạch đề ra.

Doanh thu bán hàng năm 2009 tăng so với năm 2008 là 10.137.680đ tương đương với 0.05%. Doanh thu tăng là do doanh nghiệp đã làm tốt công tác mở rộng thị trường tiêu thụ.

Giá vốn hàng bán năm 2009 giảm so với năm 2008 là 35.473.530đ tương đương 0.18%. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã tiết kiệm được các chi phí đầu vào.

Chi phí quản lý kinh doanh năm 2009 giảm so với năm 2008 là 7.197.993đ tương đương với 0.59% do doanh nghiệp đã tiết kiệm được các chi phí không cần thiết.

Lợi nhuận trước thuế năm 2009 tăng so với năm 2008 là 23.491.201đ tương đương với 13.43%. Lợi nhuận tăng lên là do giá vốn hàng bán giảm, chi phí quản lý kinh doanh giảm làm cho lợi nhuận tăng.

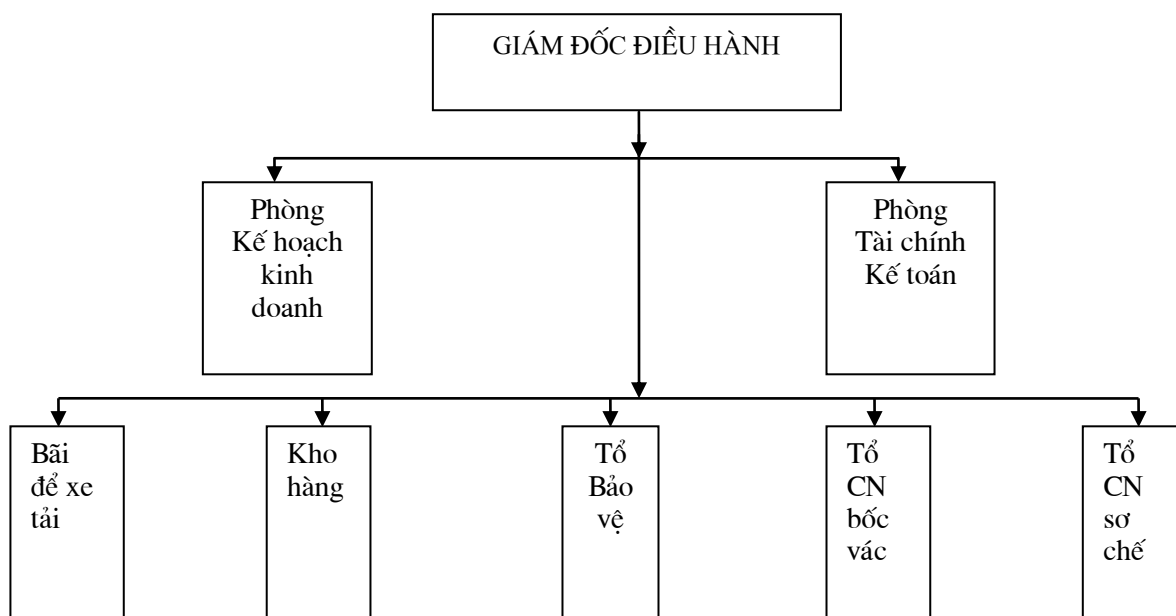
Thu nhập bình quân đầu người tăng 116.241đ tương đương với 8.97%. Công ty đã tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

Như vậy, ta thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp năm 2009 tăng hơn so với năm 2008, doanh nghiệp cần duy trì và phát huy.

2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của doanh nghiệp và phù hợp với cơ chế kinh doanh hiện nay, công ty tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng gồm có: giám đốc, các phòng ban chức năng hoạt động một cách linh hoạt trong nền kinh tế thị trường.

Sơ đồ: 2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.



Chức năng nhiệm vụ :

- *Giám đốc doanh nghiệp:* là người đứng đầu công ty, có quyết định cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước về mọi hoạt động trong phạm vi doanh nghiệp.
- *Phòng kế hoạch kinh doanh:* tham mưu cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược kinh doanh, tổ chức kinh doanh các mặt hàng đã nhập, khai thác kinh

doanh các mặt hàng có thể mạnh để tận dụng cơ sở vật chất, thị trường hiện có, nhận kế hoạch kinh doanh và trực tiếp phụ trách việc tiêu thụ sản phẩm.

- *Phòng kế toán*: có chức năng tổ chức ghi chép chứng từ, ban đầu, phân loại chứng từ, hạch toán thống kê các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của nhà nước, thực hiện việc lập BCTC chính xác, đầy đủ, kịp thời cho giám đốc nhằm phục vụ cho việc ra quyết định.

2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

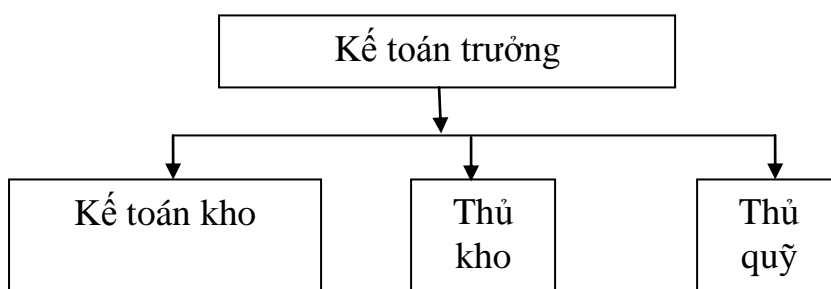
2.1.6.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và quản lý, phù hợp với chức năng và trình độ của nhân viên kế toán, đồng thời xây dựng bộ máy kế toán giảm nhưng đầy đủ về số lượng nhằm làm cho bộ máy kế toán là một tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ công tác kế toán doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập chung. Theo phương pháp này, toàn bộ công tác kế toán đều tiến hành tại phòng kế toán, dưới sự kiểm tra trực tiếp của kế toán trưởng.

Bộ máy kế toán kế toán của công ty gồm 04 người, mỗi người đảm nhận các nhiệm vụ khác nhau. Mỗi nhân viên kế toán chịu trách nhiệm theo dõi ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến phần hành của mình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp sẽ tập hợp các chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Cơ cấu bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

Sơ đồ 2.3. Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp



- *Kế toán trưởng*: Thực hiện việc tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê của công ty, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty và

trực tiếp tham gia hạch toán các phần hành còn lại của bộ máy kế toán. Thông tin kịp thời cho Giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của công ty.

- *Kế toán kho*: Theo dõi công việc mua bán hàng hoá của toàn công ty, theo dõi tình hình biến động của tài sản cố định, công cụ dụng cụ. Tiến hành lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ.

- *Thủ kho*: Theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá mua vào, bán ra.

- *Thủ quỹ*: Có trách nhiệm quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, chế độ.

2.1.6.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán tại doanh nghiệp

- Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp

- Chế độ kế toán:

- + Chế độ kế toán DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú áp dụng là chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006 – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

- + Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ, phương pháp hạch toán ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán

- Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:

- + Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá

- + Khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong đó phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên liên tục và có hệ thống tình hình nhập-xuất-tồn kho hàng hoá trên tài khoản và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập-xuất hàng tồn kho.

Hàng hoá mua ngoài nhập kho có thể do bên bán vận chuyển đến hoặc do doanh nghiệp tự vận chuyển. Dù dưới hình thức nào giá nguyên vật liệu nhập kho

được tính bằng giá ghi trên hoá đơn (đã khấu trừ thuế GTGT đầu vào) cộng với các chi phí thu mua.

- + Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- + Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào

Trong đó:

Thuế GTGT đầu ra = giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ * thuế suất

Thuế GTGT đầu vào = tổng số thuế GTGT được thanh toán ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào.

- Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật Ký Chung”.

- Hệ thống báo cáo:

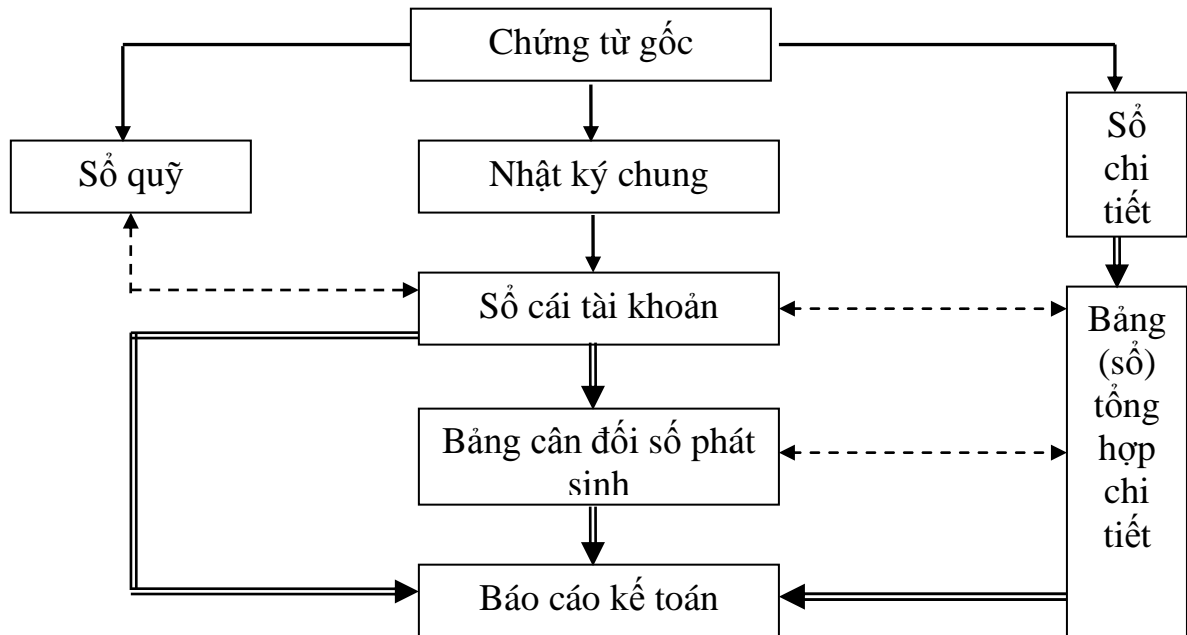
Báo cáo kế toán của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến 31/12 năm báo cáo.

Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B0-DN)

Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế

Mô hình tổ chức hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:
————> Ghi hàng ngày
====> Ghi định kỳ
←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán Nhật ký chung

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

2.2.1. Kế toán doanh thu

Doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động bán hàng hoá.

2.2.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú là đơn vị kinh doanh chủ yếu là mua bán hàng nông sản. Do vậy, chứng từ, sổ sách sử dụng là:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng, uỷ nhiệm thu
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 111, 112, 131, 511, 3331.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hoá đơn GTGT thành 3 liên:

- Liên 1(Màu tím): Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn.
- Liên 2(Màu đỏ): Giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hoá và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
- Liên 3(Màu xanh): Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số hoá đơn
- Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán
- Tên hàng hoá, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu(nếu có), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

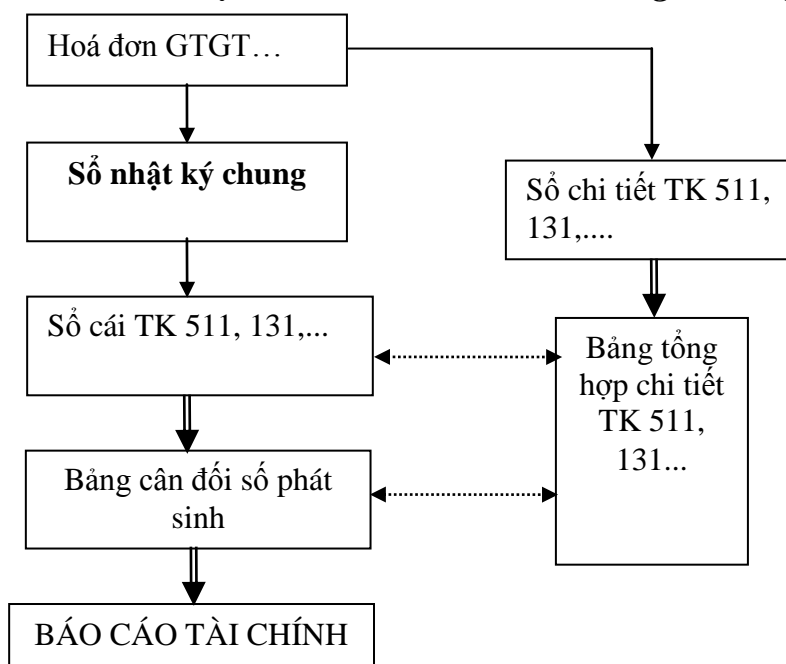
Căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra

Sơ đồ 2.5: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, cuối năm.
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, từ các hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT, kế toán vào sổ nhật ký chung. Đồng thời vào sổ cái và sổ chi tiết các TK 511,111, 131 để cuối tháng, cuối kỳ tổng hợp vào sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với khách hàng và sổ tổng hợp doanh thu bán hàng. Cuối kỳ vào bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính cần thiết.

Ví dụ:

Ngày 20 tháng 12 doanh nghiệp xuất kho 3000kg hành củ và 2000kg hành tây củ bán cho chị Hồng ở TP HCM thu bằng tiền mặt.

Sau khi viết hoá đơn GTGT và có đầy đủ chữ ký của các bên có liên quan, kế toán viết phiếu thu, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Từ nghiệp vụ trên kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111: 12.705.000

Có TK 511: 12.100.000

Có TK 3331: 605.000

Kế toán nhập số liệu vào sổ nhật ký chung. Đồng thời ghi sổ cái TK 511,111

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 20 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL HY/2009B 0035921		
Đơn vị bán hàng: DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú. Địa chỉ: Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương Số tài khoản: MST: 0800330778 Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Chị Hồng Tên đơn vị: Chị Hồng Địa chỉ: đường Trần Kiều- TP.Hồ Chí Minh. Số tài khoản: MST: Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hành củ	Kg	3.000	2.500	7.500.000
2	Hành tây củ	Kg	2.000	2.300	4.600.000
Cộng tiền hàng:					12.100.000
Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT:					605.000
Tổng cộng tiền thanh toán					12.705.000
Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Chị Hồng		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Ánh		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Nguyễn Khắc Dương	

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.6. Hoá đơn GTGT

Đơn vị: DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Địa chỉ: Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Mã số thuế: 0800330776

Mẫu số:01-TT

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Số:1047

Ngày : 20/12/2009

Nợ TK 111

Có TK 511

Có TK 3331

Người nộp tiền: Chị Hồng

Địa chỉ: Đường Trần Kiều-TP Hồ Chí Minh

Lý do: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 12.705.000

Bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 HĐGTGT chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Chủ doanh nghiệp	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Khắc Dương	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn Văn Cao

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.7: Phiếu thu

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Sổ nhật ký chung

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Cộng đầu 12/2009			136.185.838.276	136.185.838.276
...
07/12	0000040	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan		642	2.872.728	
07/12	0000040	Thuế GTGT được khấu trừ		133	281.272	
07/12	PC835	Chi tiền mặt mua dầu cho anh Hoan		111		3.154.000
...
20/12	PXK840	Xuất bán hành củ, hành tây củ		632	10.407.000	
20/12	PXK840	Xuất bán hành củ, hành tây củ		156		10.407.000
20/12	35921	Thu tiền bán hành tây		111	12.705.000	
20/12	35921	Doanh thu bán hàng		511		12.100.000
20/12	35921	Thuế GTGT đầu ra		3331		605.000
...
30/12	35940	Doanh thu bán hàng		511		11.200.000
30/12	35940	Thuế GTGT đầu ra		3331		560.000
30/12	PT1051	Thu tiền bán hành của chị Lan		111	13.020.000	
30/12	PT1051	Thu tiền bán hành của chị Lan		131		13.020.000
.....
		Cộng phát sinh			17.238.560.181	17.238.560.181
		Cộng lũy kế			153.424.398.367	153.424.398.367

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.8: Trích nhật ký chung tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
01/12	35872	01/12	Doanh thu gừng củ	131		10.660.000
02/12	35873	02/12	Doanh thu bán hàng tây, hành củ	131		12.400.000
02/12	35874	02/12	Doanh thu bán hàng củ	131		11.200.000
02/12	35875	02/12	Doanh thu bán hàng củ	131		3.200.000
03/12	35876	03/12	Doanh thu bán tỏi củ khô	131		18.000.000
03/12	35877	03/12	Doanh thu bán hàng tây củ	111		5.000.000
04/12	35878	04/12	Doanh thu bán hàng tây củ	111		5.000.000
04/12	35879	04/12	Doanh thu bán gừng củ(Chị Lan)	131		10.935.000
05/12	35880	05/12	Doanh thu bán hàng củ, hành tây	111		18.000.000
...
20/12	35921	20/12	Doanh thu bán hàng củ, hành tây	131		12.100.000
21/12	35922	21/12	Doanh thu bán tỏi lát	111		16.500.000
21/12	35923	21/12	Doanh thu bán hàng lát	131		312.000.000
22/12	35924	22/12	Doanh thu bán hàng tây	131		3.000.000
...
31/12	35940	31/12	Doanh thu bán hàng củ	111		6.000.000
31/12	PK28	31/12	Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	911	4.999.100.271	
Cộng phát sinh					4.999.100.271	4.999.100.271
Số dư cuối tháng					-	-
Phát sinh lũy kế:					20.922.561.466	20.922.561.466

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.9: Trích sổ cái TK 511 tháng 12/2009

2.2.2. Kế toán giá vốn

DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là bán hàng nông sản. Do vậy giá vốn của doanh nghiệp bao gồm giá của hàng hoá mua vào và các chi phí thu mua như: chi phí vận chuyển, chi phí kho bãi...

2.2.2.1. Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định trị giá thực tế xuất kho trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, 156
- Sổ chi tiết TK 156

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.4. Quy trình hạch toán:

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán lập phiếu xuất kho và tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 156: Hàng hoá

Ví dụ:

Ngày 13/12 doanh nghiệp xuất 18.000kg hành tây củ bán chi chi Hiền ở Ninh Thuận, giá bán 2.300đ/kg. P XK số 825, HĐGTGT 35895.

Căn cứ vào yêu cầu mua hàng của khách hàng kế toán dựa vào sổ chi tiết TK156 để tiến hành lập phiếu xuất kho. Từ phiếu xuất kho kế toán nhập số liệu vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ cái TK632.

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ
- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ
trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2009

Số : 825

Nợ : 632

Có : 156

Họ tên người nhận hàng: Chị Hiền

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hoá

Xuất tại kho: Bãi chứa kho số 01

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
			Yêu cầu	Thực xuất			
1	Hành tây củ	Kg		18.000			
	Cộng			18.000			

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Ngày 13 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Thuý	Chị Hiền	Nguyễn Thị Quyển	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.10: Phiếu xuất kho hàng hoá.

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Sổ nhật ký chung Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Cộng đầu 12/2009			136.185.838.276	136.185.838.276
...
13/12	PXK825	Giá vốn hàng bán		632	35.586.000	
		Xuất bán hàng tây củ		156		35.586.000
	358901	Phải thu khách hàng		131	43.470.000	
		Doanh thu bán hàng		511		41.400.000
		Thuế GTGT đầu ra		3331		2.070.000
...
20/12	PXK840	Xuất bán hàng củ, hàng tây củ		632	10.407.000	
		Xuất bán hàng củ, hàng tây củ		156		10.407.000
	35921	Thu tiền bán hàng tây		111	12.705.000	
		Doanh thu bán hàng		511		12.100.000
		Thuế GTGT đầu ra		3331		605.000
...
27/12	PNK935	Nhập kho hàng củ		156	32.250.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ		133	3.225.000	
	PC840	Trả bằng tiền mặt		111		35.475.000
...
30/12	35940	Doanh thu bán hàng		511		11.200.000
		Thuế GTGT đầu ra		3331		560.000
30/12	PT1051	Thu tiền bán hàng của chợ Lan		111	13.020.000	
		Thu tiền bán hàng của chợ Lan		131		13.020.000
.....
		Cộng phát sinh			17.238.560.181	17.238.560.181
		Cộng lũy kế			153.424.398.367	153.424.398.367

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.8: Trích nhật ký chung tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
01/12	PX785	01/12	Giá vốn gừng củ xuất bán	156	9.430.000	
02/12	PX786	02/12	Giá vốn hành tây, hành củ	156	10.665.120	
02/12	PX787	02/12	Doanh thu bán hành củ	156	9636.480	
02/12	PX788	02/12	Doanh thu bán hành củ	156	2.753.280	
03/12	PX789	03/12	Doanh thu bán tỏi củ khô	156	16.460.000	
03/12	PX790	03/12	Doanh thu bán hành tây củ	156	4.302.000	
04/12	PX791	04/12	Doanh thu bán hành tây củ	156	4.302.000	
04/12	PX792	04/12	Doanh thu bán gừng củ(Chị Lan)	156	10.060.200	
05/12	35793	05/12	Doanh thu bán hành củ, hành tây	156	11.945.160	
...
21/12	PX841	21/12	Doanh thu bán tỏi củ khô	156	24.504.350	
21/12	PX842	21/12	Doanh thu bán hành lát	156	314.947.320	
22/12	PX843	22/12	Doanh thu bán hành tây	156	7.985.440	
...	
31/12	PX859	31/12	Doanh thu bán hành củ	156	3.946.520	
31/12	PK29	31/12	Kết chuyển giá vốn tháng 12	911		3.952.083.242
Cộng phát sinh					3.952.083.242	3.952.083.242
Số dư cuối tháng					-	-
Phát sinh lũy kế:					19.421.286.137	19.421.286.137

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.11: Trích sổ cái TK 632 tháng 12/2009

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê TSCĐ thuê ngoài thuế, phí, lệ phí, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương của nhân viên, công nhân được tính theo thời gian.

$$\text{Thực lĩnh} = \text{Số tiền một ngày công} \times \text{Số ngày công}$$

2.2.3.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK642.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

TK642-Chi phí quản lý kinh doanh

DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy, doanh nghiệp không sử dụng tài khoản 641. Các chi phí phát sinh đều được hạch toán vào TK 642.

Trong đó:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3. Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán định khoản và vào các sổ sách có liên quan (Sổ NKC, Sổ cái TK642).

Ví dụ:

Ngày 02 tháng 12 năm 2009 HĐGTGT số 0024019 mua dầu cho anh Hoan lái xe doanh nghiệp 2.853.000đ đã bao gồm VAT 10%..PC số831.

- Dựa vào HĐGTGT số 0024019, kế toán viết phiếu chi số 831.
- Căn cứ vào phiếu chi kế toán vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ cái TK111, TK642

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 02 tháng 12 năm 2009			Mẫu số: 01 GTKT-3LL HY/2009B 0024019		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TUYẾT MAI. Địa chỉ: Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam Số tài khoản: MST: 4000379258 Điện thoại: (0510)877476 – 878208 – Fax: (0510)778836					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thế Hoan Tên đơn vị: DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TÂN PHÚ Địa chỉ: Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương. Số tài khoản: MST: 0800330776 Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Diesel <0.25\$\$	Lít	180	14136,364	2.544.545
	/				
Cộng tiền hàng:					2.544.545
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 254.545	
Phí xăng dầu(nếu có): 300 (đồng/lít)tiền phí xăng dầu				54.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					2.853.000
Số tiền bằng chữ: Hai triệu tám trăm năm ba nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thế Hoan			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.12.Hoá đơn GTGT

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị: DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Địa chỉ: Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Mã số thuế: 0800330776

Mẫu số:02-TT

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số:831

Ngày : 02/12/2009

Nợ TK 6421

Nợ TK 133

Có TK 111

Người nhận tiền: Nguyễn Thế Hoan

Địa chỉ: Lái xe doanh nghiệp

Lý do: Thanh toán tiền mua dầu

Số tiền: 2.853.000

Bằng chữ: Hai triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 HĐGTGT chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):

Ngày 02 tháng 12 năm 2009

Chủ doanh nghiệp	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Nguyễn Khắc Dương	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn Văn Cao	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn Thế Hoan

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.13: Phiếu chi

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Sổ nhật ký chung

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Cộng đầu 12/2009			136.185.838.276	136.185.838.276
...
02/12	0024019	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan		6421	2.598.545	
	0024019	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		133	254.455	
	PC831	Tiền mặt		111		2.583.000
...
07/12	0000040	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan		6421	2.872.728	
	0000040	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		133	281.272	
	PC835	Tiền mặt		111		3.154.000
...
27/12	PNK935	Nhập kho hành củ		156	32.250.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ		133	3.225.000	
	PC840	Trả bằng tiền mặt		111		35.475.000
...
31/12	PK12	Khấu hao TSCĐ T12 (Chi phí bán hàng)		6421	4.166.664	
		Hao mòn TSCĐ		2141		4.166.664
31/12	PK1026	Chi phí lương CBNV T12		6421	29.850.000	
				334		29.850.000
31/12		Chi phí lương cán bộ quản lý		6422	11.405.000	
				334		11.405.000
.....
		Cộng phát sinh			17.238.560.181	17.238.560.181
		Cộng lũy kế			153.424.398.367	153.424.398.367

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.8: Trích nhật ký chung tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
02/12	PC831	02/12	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan	111	2.598545	
02/12	PC832	02/12	Chi tiền chi chị Hà đi công tác	111	2.000.000	
07/12	PC835	07/12	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan	111	2.872.728	
...
31/12	PK012	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	4.166.664	
31/12	PK026	31/12	Chi lương cán bộ công nhân viên T12	334	29.850.000	
31/12	027	31/12	Chi lương cán bộ quản lý T12	334	11.405.000	
31/12	PK29	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN từ 01/12 đến 31/12	911		159.192.357
Cộng phát sinh T12					159.192.357	159.192.357
Số dư cuối tháng					-	-
Phát sinh lũy kế:					1.223.239.392	1.223.239.392

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.14. Trích sổ cái TK 642 tháng 12/2009

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

Về hoạt động tài chính, doanh nghiệp không có hoạt động tài chính. Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

2.2.4.1. Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

- TK515- Doanh thu Tài chính
- TK635- Chi phí tài chính

Ví dụ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009. Doanh nghiệp nhận được thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Sài Gòn thương tín T12 là 90.305đ.

Sacombank

Branch:00160NHSGTTHD

GIẤY BÁO LÃI

(Từ ngày 01/12/2009 đến hết ngày 31/12/2009)

Kính gửi : DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TÂN PHÚ

Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2009

Tài khoản số :10201000199674 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (%/năm).Số tiền lãi : 124.205,00VNĐ

Ngân hàng : Sài Gòn thương tín

Kính báo

Biểu số 2.15: Giấy báo lãi của ngân hàng

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

Sổ nhật ký chung Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
		Cộng đầu 12/2009			136.185.838.276	136.185.838.276
...
02/12	0024019	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan		6421	2.598.545	
	0024019	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		133	254.455	
	PC831	Tiền mặt		111		2.583.000
...
07/12	0000040	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan		6421	2.872.728	
	0000040	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		133	281.272	
	PC835	Tiền mặt		111		3.154.000
...
28/12	PK22	Phí ngân hàng		635	70.000	
		Tiền gửi ngân hàng		1121		70.000
30/12		Chi phí lãi vay ngắn hạn		635	10.000.000	
		Tiền gửi ngân hàng		1121		10.000.000
31/12	GBL	Lãi tiền gửi ngân hàng		1121	124.205	
		Doanh thu tài chính		515		124.205
31/12	PK1026	Chi phí lương CBNV T12		6421	29.850.000	
				334		29.850.000
31/12		Chi phí lương cán bộ quản lý		6422	11.405.000	
				334		11.405.000
.....
		Cộng phát sinh			17.238.560.181	17.238.560.181
		Cộng lũy kế			153.424.398.367	153.424.398.367

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.8: Trích nhật ký chung tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
31/12	GBL	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	1121		124.205
31/12	PK28	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính ---> 911	911	124.205	
Cộng phát sinh T12					124.2305	124.205
Số dư cuối tháng					-	-
Phát sinh lũy kế:					589393	589.393

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.16. Trích sổ cái TK 515 tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 635-Chi phí hoạt động tài chính

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
28/12	PK 22	28/12	Phí ngân hàng	1121	70.000	
30/12		30/12	Chi phí lãi vay ngắn hạn	1121	10.000.000	
31/12	PK29	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911	911		10.070.000
Cộng phát sinh T12					10.070.000	10.070.000
Số dư cuối tháng					-	-
Phát sinh lũy kế:					80.170.000	80.170.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.17. Trích sổ cái TK 635 tháng 12/2009

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu bao gồm hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động SXKD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động TC = Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính

2.2.5.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 911, 421, 821

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

TK911 – Xác định kết quả kinh doanh:

Dùng để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

2.2.5.3. Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái liên quan, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính:

Nợ TK511: 4.999.100.271

Nợ TK515: 124.205

Có TK911: 4.999.224.476

- Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính:

Nợ TK911: 4.121.345.599

Có TK632: 3.952.083.242

Có TK642: 159.192.357

Có TK635: 10.070.000

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :

$(4.999.224.476 - 4.121.345.599) * 25\% = 219.469.719$

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ TK821: 219.469.719

Có TK 3334: 219.469.719

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK911: 219.469.719

Có TK821: 219.469.719

- Kết chuyển lãi :

Nợ TK911:658.409.158

Có TK421:658.409.158

Từ phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ cái các TK liên quan.

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng- Kim Thành- Hải Dương

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 28

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c 511 - 911	511	911	4.999.100.271			
	K/c 515 - 911	515	911	124.205			
	Cộng			4.999.224.476			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Nguyễn Thị Ánh

Khóa luận tốt nghiệp

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 29

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/c 632 - 911	911	632	3.952.083.242			
	K/c 635 - 911	911	635	10.070.000			
	K/c 642 - 911	911	642	159.192.357			
	Cộng			4.121.345.599			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Nguyễn Thị Ánh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 30

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	219.469.719			
	K/c 8211 - 911	911	8211	219.469.719			
	Cộng			219.469.719			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Nguyễn Thị Ánh

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
31/12	PKT28	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 511 ---> 911	511		4.999.100.271
31/12	PKT28	31/12	K/c doanh thu tài chính 515---> 911	515		124.205
31/12	PKT29	31/12	K/c giá vốn hàng bán 632---> 911	632	3.952.083.242	
31/12	PKT29	31/12	K/c chi phí tài chính 635 ---> 911	635	10.070.000	
31/12	PKT29	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh 642 ---> 911	642	159.192.357	
31/12	PKT30	31/12	K/c chi phí thuế TNDN 821 ---> 911	821	219.469.719	
31/12	PKT 31	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế 911 ---> 421	421	658.409.158	
Cộng phát sinh T12					4.999.224.476	4.999.224.476
Số dư cuối tháng					-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.18. Trích sổ cái TK 911 tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN **Tên tài khoản: 821-Chi phí thuế TNDN**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ					-	-
Số phát sinh 12/2009						
31/12	PKT30	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	219.469.719	
31/12	PKT30	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		219.469.719
Cộng phát sinh					219.469.719	219.469.719
Số dư cuối tháng					-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.19. Trích sổ cái TK 821 tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ
Cổ Dũng-Kim Thành-Hải Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: 421-Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số dư đầu năm					120.000.000	
Số phát sinh 12/2009						
31/12	PKT31	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	911		658.409.158
Cộng phát sinh12						658.409.158
Số dư cuối tháng						56.487.838
Phát sinh lũy kế:					711.828.493	888.316.331

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguyễn Khắc Dương

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu 2.20. Trích sổ cái TK 421 tháng 12/2009

Khóa luận tốt nghiệp

DNTN KINH DOANH CHẾ BIẾN NS TÂN PHÚ

Cổ Dũng- Kim Thành- Hải Dương

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	20.922.561.466	
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		20.922.561.466	
4.Giá vốn hàng bán	11		19.421.286.137	
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.501.275.329	
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		589.393	
7.Chi phí tài chính	22		80.170.000	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.000.000	
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.223.239.392	
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30		198.455.330	
10.Chi phí khác	31			
11.Thu nhập khác	32			
12.Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	IV.09	198.455.330	
14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		49.613.833	
15.lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		148.841.497	

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ánh

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Khắc Dương

Biểu 2.21: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009

CHƯƠNG III:

**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN
TÂN PHÚ**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

3.1.1. Tình hình tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú. Bởi lẽ, nó liên quan đến việc xác định kết quả các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho NSNN. Đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng... cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động về hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Về hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “sổ nhật ký chung”. Đây là hình thức sổ được áp dụng khá phổ biến. Hình thức sổ kế toán này có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với trình độ kế toán của công ty.

Doanh nghiệp đang áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp. Mặt khác, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp này theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất giúp cho việc quản lý dễ dàng hơn, chính xác hơn và có kế hoạch cung cấp hàng hoá hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn, đồng thời không bị ứ đọng hàng hoá trong kho.

Về mô hình kế toán: công ty áp dụng mô hình kế toán tập chung. Mọi chứng từ, sổ sách đều được tập chung về phòng kế toán chịu sự hướng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Mô hình này đảm bảo được sự giám sát kiểm tra của kế toán trưởng và sự lãnh đạo kịp thời của ban giám đốc. Nhìn chung, các số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng đúng trình tự. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan được thuận lợi.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng. Cơ cấu này đảm bảo cho việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề quản lý phát sinh trong quá trình điều hành.

3.1.2. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

3.1.2.1. Ưu điểm:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phần hành kế toán này tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú em nhận thấy có những ưu điểm sau:

- *Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:* Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế, nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như :Phiếu thu, phiếu chi... có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

- *Về sổ sách:* Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy.

- *Về hệ thống tài khoản:* Hệ thống tài khoản áp dụng tại doanh nghiệp cũng như tài khoản sử dụng chi việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.

- *Về công tác kế toán chi phí hoạt động:* Chi phí là một vấn đề mà các nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

3.1.2.2.Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế sau:

- *Về bộ máy kế toán:* Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà vẫn sử dụng thủ công. Vì vậy, đôi lúc vẫn chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast, phần mềm kế toán Sasinova.

- *Về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp:* Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp chưa đúng vì công ty đã hạch toán các khoản chi phí của công nhân chế biến, công nhân bốc vác vào chi phí QLDN.

- *Về hạch toán chi phí tiền lương:* Doanh nghiệp không có chế độ bảo hiểm cho người lao động. Vì vậy làm hạn chế khả năng làm việc và sự gắn kết lâu dài của người lao động với doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp nên tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động để họ tin tưởng và hăng say làm việc.

- *Về chính sách ưu đãi cho khách hàng:* Hiện nay doanh nghiệp chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao hiệu quả năng lực cạnh tranh của doanh

nghiệp, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- *Về sổ sách:* Doanh nghiệp chưa mở đầy đủ các loại sổ sách đúng như QĐ 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC. Cụ thể, hiện nay doanh nghiệp chưa mở các sổ chi tiết bán hàng dẫn đến khó khăn trong công việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

3.2. Yêu cầu và định hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết, thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán, để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua vào đến khâu tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quá trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của doanh nghiệp.

3.2.2. Định hướng hoàn thiện

Với yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí. Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao thì càng chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoạt động kinh tế phát triển, nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú, em đã tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Em nhận thấy doanh nghiệp đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

3.2.3. Nội dung định hướng hoàn thiện.

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú, em nhận thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp đã tuân thủ theo đúng chế độ của nhà nước, tương đối phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn còn một số vấn đề

chưa hoàn toàn hợp lý và chưa thật tối ưu. Với góc độ là một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm cải thiện hơn công tác kế toán tại doanh nghiệp như sau:

Kiến nghị 1: Về bộ máy kế toán:

Doanh nghiệp nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán.

Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán của toàn doanh nghiệp.

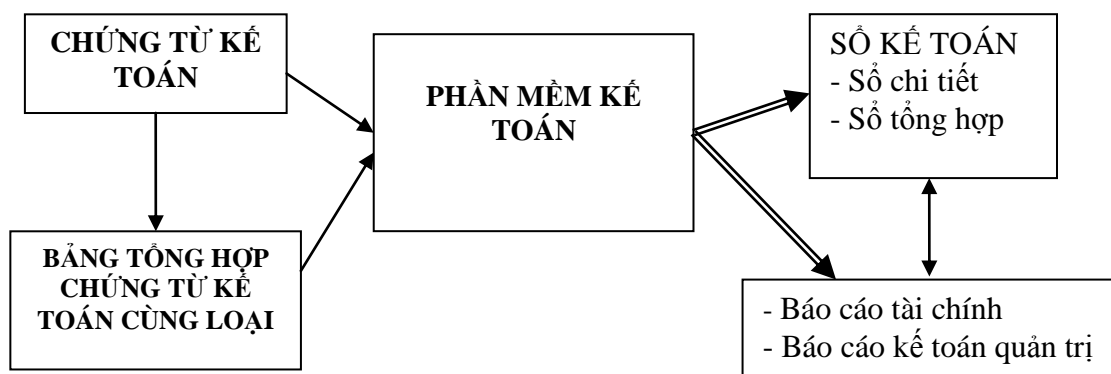
+ Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, máy sẽ tự xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

Trình tự ghi sổ kế toán thực hiện trên máy vi tính



Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

Kiến nghị 2: Về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần xác định lại khoản chi phí lương của công nhân chế biến và công nhân bốc vác. khoản chi phí này Doanh nghiệp nên đưa vào trị giá vốn hàng bán.

Kiến nghị 3: Về hạch toán chi phí tiền lương

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa doanh nghiệp với người lao động, doanh nghiệp nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định bắt đầu từ ngày 01/01/2010:

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Doanh nghiệp (Tính vào chi phí)
1. Quỹ BHXH	6%	16%
2. Quỹ BHYT	1.5%	3%
3. Quỹ BHTN	1%	1%
4. Quỹ KPCĐ	0%	2%
Cộng	8.5%	22%

Kiến nghị 4: Về việc áp dụng các khoản chiết khấu:

Để đẩy nhanh công tác tiêu thụ sản phẩm, thu hồi nợ nhanh chóng, doanh nghiệp cần có chính sách khuyến khích đối với khách hàng.

Doanh nghiệp nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định:

Hiện nay tình hình tài chính của doanh nghiệp cho thấy rằng khoản nợ phải thu của doanh nghiệp đến thời điểm ngày 31/12/2009 là trên 1.5 tỷ đồng, một con số khá lớn. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến tình hình quay vòng vốn của doanh nghiệp.

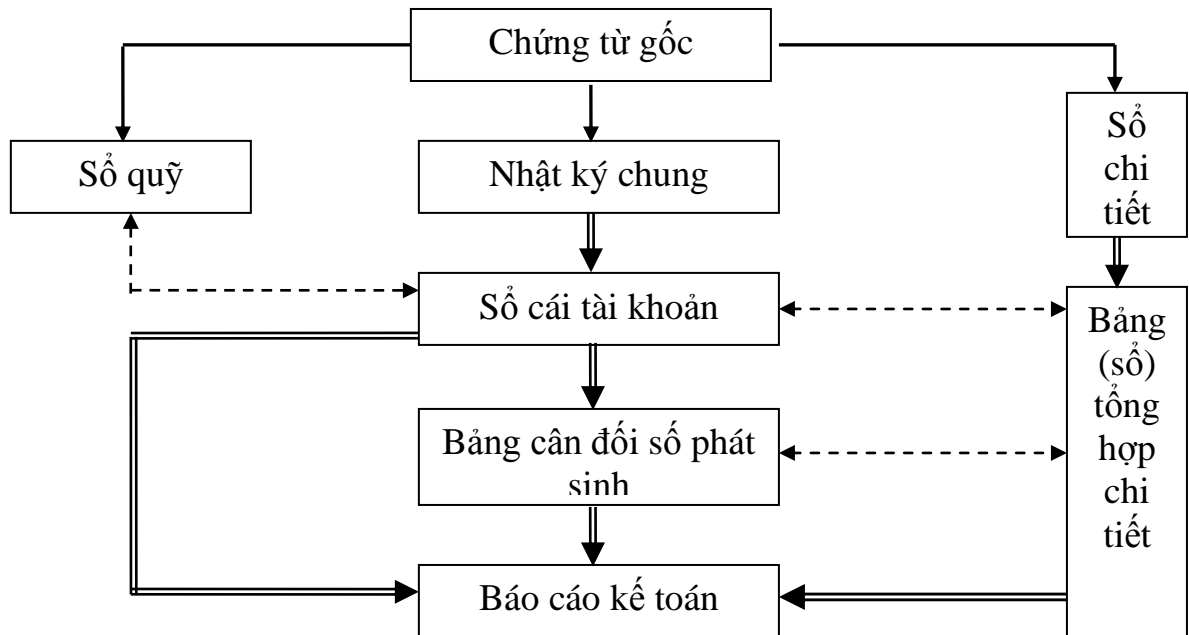
Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 20 ngày thì được hưởng 1% tính trên tổng số tiền đã thanh toán.

Nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn 10 ngày thì được hưởng 2% tính trên tổng số tiền đã thanh toán.

Sau khi xây dựng mức chiết khấu hợp lý, doanh nghiệp cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635-Chi phí tài chính.

Kiến nghị 5: Doanh nghiệp nên mở sổ chi tiết đầy đủ. Nhờ vậy, doanh nghiệp sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong công việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.



Sơ đồ 3.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng muốn tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với những nhà đầu tư.

Khoá luận “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú” đã nêu các vấn đề cơ bản sau:

1. Về lý luận: Khoá luận đã trình bày những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
2. Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú. Đồng thời sử dụng số liệu tháng 12 năm 2009 để chứng minh cho các lập luận nêu trên.
3. Về kiến nghị: Khoá luận đã nêu lên một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

Với thời gian thực tập không nhiều, kiến thức bản thân có hạn nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Th.S Ngô Thị Thanh Huyền, các anh chị phòng kế toán DNTN kinh doanh chế biến nông sản Tân Phú đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Nga